

# CHƯƠNG IX: LÝ LUẬN HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

## I. LÝ LUẬN HTKT-XH VÀ VAI TRÒ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA NÓ.

### 1. Những tiền đề và cơ sở xuất phát để xây dựng lý luận HT KT – XH

- *Những tiền đề tư tưởng:* Trước Mác, CNDT thống trong trong lĩnh vực lịch sử...
- + Đối lập với quan điểm của CNDT là cách tiếp cận của chủ nghĩa nhân bản là xuất phát từ chính con người, từ chính xã hội loài người...
- + Những tư tưởng triết học tiến bộ về lịch sử, những thành tựu nghiên cứu về nền sản xuất và phương thức sản xuất TBCN.

## - Những cơ sở xuất phát:

- + Điểm xuất phát mới của triết học Mác trong việc nghiên cứu xã hội là xuất phát từ con người hiện thực, từ đời sống hiện thực của con người...
- + Xuất phát từ đời sống hiện thực của con người thì trước hết con người phải có ăn, uống, ở, mặc, phải tiến hành sản xuất vật chất. Như vậy, hoạt động xã hội cơ bản của con người trước hết là hoạt động sản xuất vật chất. Sản xuất vật chất là hành vi lịch sử đầu tiên của con người, là yếu tố cơ bản phân biệt con người với con vật...
- + Từ sản xuất vật chất, Mác đã phát hiện ra, quá trình sản xuất vật chất xuất hiện quan hệ song trùng giữa con người với giới tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất...
- + Mác cũng đã phát hiện: sản xuất vật chất, đồng thời là cơ sở sáng tạo ra các quan hệ xã hội và toàn bộ đời sống xã hội.

## - Những cơ sở xuất phát:

- + Áp dụng phương pháp lịch sử và lô gic vào nghiên cứu xã hội, Mác đã gắn hoạt động sản xuất vật chất của con người với từng giai đoạn phát triển lịch sử nhất định. Theo đó, mỗi thời đại lịch sử, xã hội có một cách thức sản xuất nhất định – PTSX mà thực chất là phương thức sinh sống của con người.
- + Từ vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất, Mác phát hiện ra, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, đời sống vật chất quyết định đời sống tinh thần của xã hội, các mặt cơ bản của đời sống xã hội có mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau, làm cho xã hội vận động, phát triển theo các quy luật khách quan nội tại.
- + Trên cơ sở đó, Mác đã đi đến khái quát khoa học về lý luận hình thái kinh tế XH.

## 2. Cấu trúc xã hội và phạm trù hình thái kinh tế xã hội.

### a. Cấu trúc xã hội:

- Xã hội là bộ phận đặc thù của tự nhiên, là bộ phận đạt trình độ phát triển cao nhất của thế giới vật chất, nên cấu trúc của nó vô cùng phức tạp...
- Các nhà triết học trước Mác khi nghiên cứu xã hội thường chỉ xem xét một mặt hoặc tuyệt đối hóa một bộ phận nào đó của xã hội, vì vậy không đưa ra được một mô hình lý luận phản ánh xã hội trong tính chỉnh thể toàn vẹn của nó.
- Triết học Mác khẳng định: Xã hội là một hệ thống chỉnh thể bao gồm các lĩnh vực cơ bản: kinh tế, xã hội, chính trị, tinh thần. Đó là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; các quan hệ giai cấp, tầng lớp, dân tộc, giới tính, nghề nghiệp; các quan hệ về nhà nước, đảng phái và tổ chức chính trị, những tư tưởng, quan điểm xã hội, các quan hệ và các hoạt động tinh thần của xã hội.

## b. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

- Mác và Ăngghen đã làm rõ và xác định đúng vị trí, vai trò của các mặt, các bộ phận cơ bản của xã hội, đã vạch rõ những mối liên hệ bản chất, tất yếu giữa các mặt, các bộ phận cơ bản của xã hội, từ đó chỉ ra quy luật vận động, phát triển của xã hội với tính cách là một hệ thống chính thể toàn vẹn.
- Thành quả nghiên cứu đã nêu trên của Mác được khái quát trong phạm trù hình thái kinh tế - xã hội...
- *Theo luận điểm của Mác:*  
Lĩnh vực kinh tế của xã hội được phản ánh trong phạm trù phương thức sản xuất và quy luật vận động của phương thức sản xuất. Vai trò nền tảng của đời sống kinh tế, của quan hệ sản xuất được phản ánh trong khái niệm cơ sở hạ tầng – là toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và đóng vai trò nền tảng của kiến trúc thượng tầng xã hội.

# Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

- + Lĩnh vực chính trị tinh thần của xã hội được phản ánh trong khái niệm kiến trúc thượng tầng của xã hội, nảy sinh trên cơ sở tồn tại xã hội, phản ánh tồn tại xã hội, chịu sự quy định của tồn tại xã hội.
- + Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù của CNDVLS dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.
- + Về mặt cấu trúc, hình thái kinh tế-xã hội có ba mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (cơ sở hạ tầng), kiến trúc thượng tầng. Các bộ phận, các mặt cơ bản này của đời sống xã hội có mối liên hệ bản chất, tất yếu, ổn định...

### 3. Phép biện chứng của sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội

#### a. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Sản xuất vật chất bao giờ cũng được tiến hành bằng một phương thức SX nhất định. Mỗi xã hội được đặc trưng bằng một PTSX nhất định.
- Để sản xuất được, con người phải có hai mối quan hệ: quan hệ giữa người với tự nhiên; quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất. Bởi vậy, PTSX là sự thống nhất giữa LLSX ở một trình độ nhất định với QHSX tương ứng.
- Lực lượng sản xuất là toàn bộ các lực lượng được con người sử dụng trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất...
- Quan hệ sản xuất là quan hệ tất yếu KQ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất...



## - Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

- + LLSX và QHSX tồn tại không tách rời nhau, thống nhất biện chứng với nhau trong một PTSX nhất định.
- + Sự vận động, phát triển của LLSX quyết định QHSX, làm cho quan hệ sản xuất biến đổi phù hợp với nó. Khi lực lượng sản xuất thay đổi cơ bản về chất thì quan hệ sản xuất tất yếu phải thay đổi theo.
- + QHSX tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm tùy theo quan hệ sản xuất phù hợp hay không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- + Sự chuyển hóa các mặt đối lập trong phép biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất: quan hệ biện chứng giữa chúng luôn chứa đựng hai mặt đối lập – sự phù hợp và không phù hợp, hai mặt này thường xuyên chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình vận động của một phương thức sản xuất.



## b. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- Khái niệm cơ sở hạ tầng: toàn bộ những quan hệ SX hợp thành cơ cấu kinh tế của một XH nhất định. Cơ sở hạ tầng của một XH (trừ XH nguyên thủy) có thể bao gồm nhiều kiểu quan hệ SX: quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư, quan hệ sản xuất mầm mống, trong đó quan hệ sản xuất thống trị giữ vai trò quyết định.
- Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những hiện tượng xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở hạ tầng bao gồm toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo... cùng với những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội.

## - Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

- + Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của một xã hội là hai mặt đối lập thống nhất chặt chẽ với, tác động qua lại lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau.
- + Cơ sở hạ tầng giữ vai trò quyết định đối với kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng phải phù hợp với cơ sở hạ tầng.

Chú ý: tính kế thừa của kiến trúc thượng tầng

- + Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối trong quá trình vận động, phát triển và có tác động trở lại theo hướng tích cực (phù hợp) hoặc tiêu cực (không phù hợp) đối với cơ sở hạ tầng.

Chú ý: trong thời đại toàn cầu hóa, vai trò của kiến trúc thượng tầng tăng lên gấp bội...

## c. Sự phát triển của các hình thái kinh tế XH là một quá trình lịch sử - tự nhiên

- Khái niệm quá trình lịch sử tự nhiên: quá trình vận động phát triển theo các quy luật khách quan, chứ không phải theo ý muốn chủ quan của con người.
- Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội vừa bị chi phối bởi các quy luật phổ biến, vừa bị chi phối bởi các quy luật riêng đặc thù, làm cho tiến trình lịch sử nhân loại vừa thống nhất vừa đa dạng, vừa diễn ra tuần tự vừa bao hàm cả sự bỏ qua, trong những điều kiện nhất định, một hình thái kinh tế xã hội nào đó.
- Nguồn gốc sâu xa của sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là ở sự phát triển của lực lượng sản xuất và gắn với hai quy luật cơ bản: quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng.

## 4. Tính khoa học và vai trò phương pháp luận của lý luận hình thái kinh tế-XH

- Trước Mác, CNDT thống trị trong nghiên cứu, lý giải lịch sử và đời sống XH.
- Lý luận hình thái kinh tế-xã hội ra đời đã chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa duy tâm trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử, xã hội ...
- Vai trò phương pháp luận của lý luận hình thái kinh tế-xã hội:
  - + Là cơ sở khoa học để nghiên cứu và giải thích đúng đắn đời sống xã hội và quá trình lịch sử xã hội ...
  - + Chỉ rõ những QL cơ bản, phổ biến của sự vận động, phát triển của LS XH.
  - + Chỉ rõ sự phát triển của xã hội là quá trình lịch sử-tự nhiên

*Tóm lại*, cách tiếp cận lịch sử nhân loại theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội là cách tiếp cận toàn diện, hệ thống về xã hội...

# - Về cách tiếp cận lịch sử nhân loại theo lý thuyết các nền văn minh

- + Alvin Toffer phân chia lịch sử nhân loại thành ba nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp. Lịch sử nhân loại là lịch sử của các nền văn minh...
- + Cách tiếp cận theo các nền văn minh cũng chỉ là một trong những cách tiếp cận trong nghiên cứu lịch sử, nhưng sẽ là sai lầm nghiêm trọng nếu dùng cách tiếp cận các nền văn minh thay cho cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội
- + Trên cơ sở cách tiếp cận hình thái kinh tế-xã hội của Mác, có thể bổ xung thêm cách tiếp cận các nền văn minh, bởi cách tiếp cận này có ý nghĩa trong việc phân chia các thời đại kinh tế, trong việc xem xét trình độ kinh tế mỗi nước, cũng như các giai đoạn tất yếu phải trải qua trong quá trình phát triển kinh tế.

## II. NHẬN THỨC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

### 1. Dự báo của C.Mác, Ph.Ăng ghen và V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Trên cơ sở lý luận hình thái kinh tế-xã hội, Mác và Ph.Ăng ghen đã chỉ rõ quy luật vận động, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản và dự báo về sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội mới - cộng sản chủ nghĩa...
- Sự ra đời của CNXH và CNCS không phải theo ý muốn chủ quan, mà do những tiền đề vật chất do chủ nghĩa tư bản tạo ra và là kết quả việc giải quyết những mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa...
- Ở thời đại chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, Mác và Ph.Ăng ghen dự báo: cách mạng vô sản dẫn đến CNXH sẽ nổ ra đồng thời ở những nước TBCN phát triển và sau đó, với sự giúp đỡ của các nước đã đi vào con đường xây dựng CNXH, các nước lạc hậu có thể phát triển theo con đường “rút ngắn” từng bước đi lên CNXH

# Dự báo của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Trong thời đại CNĐQ, theo Lênin, cách mạng vô sản đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp của CM thế giới. Phát hiện ra quy luật phát triển không đều của CNTB, Lênin đưa ra kết luận mới về sự bùng nổ và thắng lợi của cách mạng vô sản, theo đó, CNXH trước hết sẽ thắng lợi trong một nước hoặc một số ít nước tư bản chủ nghĩa.
- Sau thắng lợi của CM tháng 10 Nga 1917, Lênin chỉ rõ hai con đường quá độ lên CNXH: quá độ trực tiếp lên CNXH đối với các nước TBCN phát triển và quá độ gián tiếp đối với các nước lạc hậu, kém phát triển.
- Lênin đặc biệt nhấn mạnh đến loại quá độ gián tiếp, phải qua nhiều nấc thang trung gian, nhiều bước quá độ nhỏ, một TKQĐ lâu dài, đầy khó khăn phức tạp - thời kỳ của “những cơn đau đẻ kéo dài”.



## 2. CNXH theo mô hình kế hoạch hóa tập trung và vai trò lịch sử của mô hình đó.

- Mác và Ph.Ăng ghen chỉ mới phác thảo ra những đặc trưng bản chất của CNXH và CNCS và chỉ rõ sự khác nhau về chất giữa hai giai đoạn thấp và cao của CNCS.
- Ở Liên xô, sau nội chiến cách mạng Lênin chủ trương thực hiện chính sách kinh tế mới.
- Sau khi Lênin mất, Liên xô chuyển sang xây dựng CNXH theo mô hình kế hoạch hóa tập trung với những đặc trưng cơ bản như sau:
  - + Thực hiện CN hóa và HT hóa với tốc độ cao, ưu tiên tuyệt đối cho phát triển CN nặng
  - + Xóa bỏ sở hữu tư nhân, sở hữu cá thể, thiết lập chế độ công hữu về TLSX dưới hai hình thức toàn dân và tập thể

Những đặc trưng cơ bản CNXH theo mô hình kế hoạch hóa tập trung:

- + Xóa bỏ thị trường tự do, thiết lập nền kinh tế hiện vật, dưới sự chỉ huy của nhà nước theo kế hoạch tập trung thống nhất
- + Nhà nước trực tiếp điều hành kinh tế và mọi mặt của đời sống XH. Đảng trực tiếp điều hành nhà nước

- **Kết luận:** Mô hình CNXH Xôviết mang tính chất tập trung hành chính, quan liêu bao cấp. Chế độ DC Xô viết là chế độ DC bị sự tập trung lẫn át.

# Giá trị lịch sử của CNXH Xôviết

- Đã XD được một XH không còn GC bóc lột. Mọi thành viên XH đều là người LĐ được sự lãnh đạo và điều hành thống nhất của ĐCS và nhà nước XHCN...
- Mọi nguồn lực của cải vật chất đều nằm dưới sự điều hành của nhà nước nên có thể tập trung giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, XH, GD, y tế...
- Chế độ DC Xôviết tạo nên sự thống nhất cao độ trong cộng đồng XH dưới sự chỉ huy tập trung thống nhất đã tạo nên sức mạnh vô địch trong đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, chống xâm lược
- Tích cực ủng hộ và giúp đỡ các nước thuộc địa và phụ thuộc chống đế quốc, thực dân, giành ĐL DT
- Là nhân tố đối trọng với hệ thống TBCN, buộc CNTB phải thay đổi theo hướng DC, tiến bộ XH

# Những khuyết tật lịch sử của CNXH Xôviết

- + Phủ nhận kinh tế hàng hóa, kinh tế nhiều thành phần, phủ nhận sở hữu tư nhân...
- + Coi nhẹ động lực VC nhưng lại đề cao quá mức động lực tinh thần...
- + Thực hiện nền kinh tế chỉ huy tập trung, xóa bỏ thị trường tự do dẫn đến triệt tiêu cạnh tranh, hạn chế sức sáng tạo của con người, hạn chế đổi mới kỹ thuật...
- + Cơ chế chính trị XH tập trung thống nhất đã hạn chế phát huy tính chủ động sáng tạo của cơ sở và cá nhân
- + Bộ máy hành chính quan liêu, bao cấp tràn lan. QCND trở nên ỷ lại vào nhà nước, thụ động thiếu chủ động, sáng tạo
- + Nền Dc XHCN chưa được coi trọng và còn nhiều hạn chế

### 3. Những biến đổi của thời đại và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Sự sụp đổ của CNXH ở LX và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình của CNXH hiện thực cụ thể chứ không phải là sự sụp đổ của CNXH với tư cách là một XH cao hơn CNTB.
- Sự sụp đổ của CNXH, một mặt gây ra nhiều khó khăn to lớn cho phong trào CNXH thế giới, nhưng mặt khác, đã đem lại những bài học kinh nghiệm to lớn để nhận thức lại CNXH...
- Nhận thức lại về CNXH không thể tách rời sự nhận thức đúng đắn về sự vận động, phát triển và diệt vong của CNTB. CNTB hiện đại vẫn còn tiềm năng phát triển và chứng tỏ vai trò lịch sử của nó chưa chấm dứt. Nhưng mặt khác CNTB hiện đại lại tạo ra những tiền đề vật chất dẫn đến sự phủ định chính nó, càng minh chứng việc CNXH ra đời thay thế cho CNTB là không tránh khỏi...

# Biến đổi của thời đại và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại, sự xuất hiện của kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa sự phát triển của lực lượng sản xuất càng làm cho mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với tính chất tư bản của hình thức chiếm hữu tư liệu sản xuất ngày càng trở nên gay gắt. Tình trạng đối kháng giữa lao động và tư bản, giữa vô sản và tư sản cũng như chiến tranh và bạo lực là không thể khắc phục được trong khuôn khổ của CNTB. Quá độ từ CNTB lên CNXH vẫn là một tất yếu khách quan của lịch sử.
- Do những biến đổi mới của thời đại, cho nên, rất có thể cách mạng vô sản và sự quá độ lên CNXH ở nhiều nước trên thế giới có thể diễn ra dưới những hình thức mới, đa dạng và phong phú.

## 4. Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### a. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam

- Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về khả năng bỏ qua một hình thái kinh tế xã hội để tiến lên hình thái kinh tế xã hội mới cao hơn.
- *Khả năng bỏ qua chế độ TBCN trong thời đại ngày nay:*
  - + Quan điểm của Lênin về khả năng một nước lạc hậu tiền TBCN quá độ dần lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
  - + Toàn cầu hóa, quốc tế hóa tạo ra điều kiện và khả năng mới để bỏ qua chế độ TBCN, quá độ lên CNXH.



# Thế nào là bỏ qua chế độ TBCN

- + Về kinh tế: bỏ qua sự xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất TBCN, nhưng vẫn phát triển mạnh mẽ kinh tế nhiều thành phần trong đó có kinh tế TBCN.
- + Về chính trị: bỏ qua sự xác lập địa vị thống trị của kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng vẫn tiếp thu và vận dụng những thành tựu văn minh loài người đã đạt được trong CNTB hiện đại.
- Việt nam kiên định con đường tiến lên CNXH là phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại và điều kiện cụ thể của nước ta...
- Xây dựng CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một sự nghiệp rất khó khăn phức tạp, phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều bước quá độ nhỏ khác nhau, phải sử dụng nhiều hình thức tổ chức kinh tế xã hội có tính chất trung gian quá độ, có sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ.

## b. Một số vấn đề có tính nguyên tắc phương pháp luận trong xây dựng CNXH ở nước ta

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế: Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, ND làm chủ.
- Thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng, XD nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ của ND.
- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng “rượt đuổi” là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam...
- Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên CNXH.
- Coi văn hóa là nền tảng tinh thần và động lực của sự phát triển kinh tế xã hội. Phát huy nhân tố con người, coi con người vừa là mục tiêu vừa là động lực trong công cuộc xây dựng xã hội XHCN.

# CHƯƠNG X: GIAI CẤP, DÂN TỘC, NHÂN LOẠI TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY VÀ VẬN DỤNG VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

## I. GIAI CẤP VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP

### 1. Khái quát các quan điểm ngoài Macxit về giai cấp và đấu tranh giai cấp

#### a. Quan điểm của các nhà tư tưởng trước Mác về giai cấp và đấu tranh giai cấp

- + Ở Trung quốc cổ đại, các nhà tư tưởng như Khổng tử, Lão tử, Mạnh tử, Mặc tử, Tuân tử đã đưa ra các quan điểm về quân tử, tiểu nhân, về sĩ, nông, công, thương...
- + Ở Ấn Độ cổ đại, kinh vêđa đã ghi rõ xã hội phân chia thành bốn đẳng cấp...
- + Ở Hy Lạp cổ đại, các nhà tư tưởng như Hêraclit, Êmôcrit, Platôn... đều thừa nhận xã hội phân chia thành các đẳng cấp....
- *Khái niệm giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện ở thời cận đại...*

## b. Quan điểm của các nhà tư tưởng tư sản hiện nay về giai cấp và đấu tranh GC

- Một số học giả phương Tây phủ nhận học thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin. Họ cho rằng đấu tranh giai cấp không phải là quy luật chung của xã hội, không phải là hiện tượng phổ biến, không thể áp dụng cho xã hội tư bản.
- Một số học giả khác thì xuyên tạc và giải thích không đúng thực chất vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã từng xuất hiện hai khuynh hướng, hai quan điểm sai lầm tả khuynh và hữu khuynh về đấu tranh giai cấp. Quan điểm hữu khuynh (Cauxki, Becxtanh...) muốn điều hòa mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, chủ trương dùng các biện pháp cải lương. Quan điểm tả khuynh (Tơrôtxki, tư tưởng Maoit...) chủ trương đưa ra các khẩu hiệu CM cực đoan, bỏ qua những bước quá độ, những biện pháp mềm dẻo mà thực tế đòi hỏi...

# Quan điểm của các nhà tư tưởng tư sản hiện nay về giai cấp và đấu tranh GC

- Hiện nay gắn với sự xuất hiện các vấn đề toàn cầu cấp bách làm cho một số người lầm tưởng không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- S.P.Huntington nêu luận điểm cơ bản: cuộc đụng độ giữa các nền văn minh là mâu thuẫn chính của thế giới hiện nay (văn minh phương Tây, văn minh Khổng giáo, văn minh Hồi giáo, văn minh Nhật Bản, văn minh Hindu, văn minh Chính thống giáo Xlavơ, văn minh MỹLatinh, văn minh châu Phi, trong đó sự đối lập lớn nhất là văn minh phương Tây với văn minh Hồi giáo và văn minh Khổng giáo). Rõ ràng, S.P.Huntington muốn đem lý luận về “sự đụng độ của các nền văn minh” thay cho lý luận về đấu tranh giai cấp.
- Ở nước ta hiện nay cũng có người cho rằng không nên nói đến giai cấp và đấu tranh giai cấp nữa. Đó là những quan điểm sai lầm cần phải đấu tranh phê phán.

## 2. Quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Quan điểm khoa học của triết học Mác là đã làm rõ cơ sở kinh tế của giai cấp và đấu tranh giai cấp:

- + Mác viết: “1, sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất; 2, Đấu tranh giai cấp tất nhiên dẫn đến chuyên chính vô sản; 3, Bản thân nền chuyên chính này chỉ là bước quá độ tiến tới thủ tiêu mọi giai cấp và tiến tới xã hội không có giai cấp”. Như vậy giai cấp là phạm trù lịch sử, chỉ gắn liền với những giai đoạn lịch sử nhất định của sự phát triển sản xuất vật chất.
- + Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước* Ph.Ăng ghen đã chỉ rõ sự xuất hiện của chế độ tư hữu dẫn đến sự phân hóa xã hội thành những giai cấp có lợi ích đối kháng nhau.
- + Trong tác phẩm *Sáng kiến vĩ đại*, Lênin đã nêu ra định nghĩa khái quát về giai cấp:



# Lênin đã nêu ra định nghĩa khái quát về giai cấp:

- Qua định nghĩa của Lênin có thể thấy: giai cấp gắn liền với một hệ thống sản xuất nhất định và các giai cấp khác nhau về địa vị trong hệ thống sản xuất đó. Địa vị đó do ba quan hệ sau quyết định: quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất, quan hệ với phương thức và quy mô thu nhập của cải xã hội, trong đó quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất giữ vai trò quyết định.
- Thực chất của quan hệ giai cấp theo Lênin là quan hệ bất công trong đời sống kinh tế xã hội – quan hệ bóc lột và bị bóc lột. Trong xã hội có đối kháng giai cấp thì đấu tranh giai cấp là tất yếu.



# Về nguồn gốc và kết cấu giai cấp

- + Nguồn gốc giai cấp gắn liền với sự xuất hiện của chế độ tư hữu trên cơ sở sự phát triển của của lực lượng sản xuất gắn với công cụ lao động bằng kim loại.
- + Kết cấu giai cấp phụ thuộc vào cơ cấu kinh tế của nền sản xuất vật chất xã hội. Sự biến đổi của sản xuất vật chất có thể làm thay đổi cơ cấu giai cấp của xã hội, làm thay đổi địa vị, vai trò lịch sử của các giai cấp trong đời sống xã hội.

## b. Đấu tranh GC và vai trò của nó đối với sự phát triển của XH có GC đối kháng.

- ĐTGK là cuộc đấu tranh giữa những giai cấp có lợi ích căn bản (chủ yếu là lợi ích kinh tế) đối lập nhau, không thể điều hòa được, là cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động bị bóc lột, áp bức chống lại giai cấp thống trị áp bức, bóc lột và đối kháng với nhân dân.
- ĐTGK là cuộc đấu tranh của toàn bộ giai cấp này chống lại toàn bộ GC khác, nghĩa là nó phải gắn với sự giác ngộ địa vị và lợi ích cũng như tính tổ chức của GC.
- Nguyên nhân của đấu tranh giai cấp: nguyên nhân sâu xa của ĐTGK là mâu thuẫn gay gắt giữa yêu cầu khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đã trở nên lạc hậu so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nguyên nhân trực tiếp là sự áp bức bóc lột của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị.

# - Đấu tranh giai cấp là động lực của xã hội có đối kháng giai cấp:

- + ĐTGC giải quyết mâu thuẫn giữa giữa lực lượng sản xuất mới với quan hệ sản xuất lỗi thời thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.
- + ĐTGC phát triển đến đỉnh cao dẫn đến cách mạng xã hội qua đó làm thay đổi PTSX, thay đổi HTKT-XH, làm cho lịch sử phát triển nhảy vọt từ chế độ xã hội thấp lên chế độ xã hội cao hơn.
- + ĐTGC trong thời bình là động lực phát triển sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ và dẫn đến các cải cách xã hội theo hướng tiến bộ.
- + ĐTGC còn có ý nghĩa cải tạo, rèn luyện giai cấp cách mạng.

**Kết luận:** ĐTGC là quy luật phổ biến của XH có giai cấp đối kháng, nhưng có biểu hiện đặc thù gắn với thời đại lịch sử, chế độ XH, quốc gia dân tộc.

## c. Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong điều kiện hiện nay

- CNXH ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ làm thay so sánh lực lượng...
- CNTB vẫn còn khả năng phát triển và đã có những điều chỉnh, thay đổi khá sâu sắc để thích nghi với điều kiện mới...
- Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại phát triển mạnh đưa loài người bước vào thời đại kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Những mâu thuẫn của thời đại vẫn phát triển gay gắt nhưng diễn biến phức tạp và khó lường...
- Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, nhưng tính chất của thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH vẫn không thay đổi.
- Trong điều kiện hiện nay không nên cường điệu hóa vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp nhưng cũng không được mơ hồ, mất cảnh giác về vấn đề này.

### 3. Vấn đề giai cấp và đấu tranh GC trong TKQĐ tiến lên CNXH ở nước ta

#### a. Đặc điểm giai cấp và quan hệ giai cấp trong TKQĐ tiến lên CNXH ở nước ta

- *Tính tất yếu khách quan* của sự tồn tại giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH ở Việt Nam...
- *Điều kiện mới của ĐTGC*: GCVS và NDLD đã có chính quyền...
- *Đặc điểm*:
  - + ĐTGC, đấu tranh giữa hai con đường XHCN và TBCN gắn liền với cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”...
  - + Quan hệ giữa giai cấp công nhân và tầng lớp tư sản dân tộc tuy có mâu thuẫn về lợi ích kinh tế (do chính sách của nhà nước XHCN nên quan hệ này không mang tính đối kháng) nhưng chủ yếu biểu hiện dưới hình thức mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, vừa hợp tác vừa đấu tranh

b. Nội dung và hình thức đấu tranh giai cấp trong thời kỳ  
quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

- *Nội dung của ĐTGC:*

- + Đấu tranh thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH...
- + Đấu tranh làm thất bại âm mưu “DBHB”, BLLĐ...
- + Đấu tranh giữ vững định hướng XHCN, chống khuynh hướng tự phát TBCN.
- + Đấu tranh chống áp bức, hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- + Đấu tranh xóa bỏ mọi tàn tích về tư tưởng và lối sống của xã hội cũ, khắc phục những tiêu cực nảy sinh trong quá trình xây dựng xã hội mới.

- *Hình thức của đấu tranh giai cấp* diễn ra trên tất cả các mặt của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống vừa có bạo lực và hòa bình, tổ chức và cưỡng chế, đổ máu và không đổ máu...

# II. QUAN HỆ GIAI CẤP VỚI DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

## 1. Dân tộc và quan hệ giai cấp với dân tộc

### a. Khái niệm dân tộc và sự hình thành dân tộc

- Dân tộc (quốc gia dân tộc) là hình thức cộng đồng người ổn định, bền vững, được hình thành trong lịch sử lâu dài, trên cơ sở cộng đồng về ngôn ngữ, về lãnh thổ, về kinh tế, và về văn hóa biểu hiện trong tâm lý, tính cách.

- Dân tộc có thể hình thành từ một hoặc nhiều bộ tộc và có bốn đặc trưng chủ yếu như sau:

+ Cộng đồng về lãnh thổ

+ Cộng đồng về kinh tế

+ Cộng đồng về ngôn ngữ

+ Cộng đồng về văn hóa, tâm lý, tính cách



- Sự hình thành dân tộc:

- + Ở phương Tây: dân tộc hình thành gắn liền với CNTB
- + Ở một số nước phương Đông (trong đó có Việt Nam) dân tộc hình thành sớm gắn liền với đấu tranh chống thiên nhiên và đấu tranh chống ngoại xâm.
- **Kết luận:** dân tộc là một cộng đồng xã hội – tộc người được hình thành trong lịch sử, gắn với quá trình cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội.

## b. Quan hệ giữa giai cấp và dân tộc trong lịch sử

- Giai cấp và dân tộc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giai cấp có trước dân tộc, nhưng sẽ mất đi, còn dân tộc sẽ tồn tại lâu dài.
- Vấn đề dân tộc phụ thuộc vào vấn đề giai cấp. Giai cấp giữ vai trò quyết định sự hình thành dân tộc, xu hướng phát triển dân tộc, quy định bản chất xã hội của dân tộc, quy định tính chất của mối quan hệ giữa các dân tộc.
- Bản chất xã hội của dân tộc phụ thuộc vào PTSX thống trị và giai cấp đại diện cho PTSX ấy sẽ đại diện cho dân tộc, trở thành dân tộc.
- Áp bức giai cấp là nguyên nhân sâu xa của áp bức dân tộc. Áp bức dân tộc có thể làm sâu sắc thêm áp bức giai cấp.

## c. Quan hệ giữa giai cấp và dân tộc trong thời đại ngày nay

- Cách mạng khoa học công nghệ và toàn cầu hóa thúc đẩy quốc tế hóa đời sống xã hội...
- CNTB đang lợi dụng ưu thế tạm thời, mưu đồ áp đặt trật tự thế giới bất bình đẳng giữa các dân tộc. Tuy nhiên các nước XHCN còn lại đã cải cách, đổi mới thành công. Xu hướng phát triển theo định hướng XHCN vẫn tiếp tục ở một số nước trên thế giới.
- Toàn cầu hóa đã làm cho các quốc gia dân tộc phụ thuộc lẫn nhau...
- Đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra quyết liệt và phức tạp. CNTB vẫn là nguồn gốc của áp bức giai cấp và áp bức dân tộc.
- Nội dung của vấn đề giai cấp quan hệ với vấn đề dân tộc độc lập gắn với hai xu hướng: sự phụ thuộc và giao lưu lẫn nhau giữa các dân tộc; thứ hai xu hướng khẳng định và tăng cường nhân tố dân tộc và bản sắc dân tộc

## 2. Nhân loại và quan hệ giai cấp với nhân loại

### a. Khái niệm nhân loại và lợi ích nhân loại

- *Khái niệm nhân loại*: toàn bộ cộng đồng người sống trên trái đất từ hàng triệu năm nay...
- *Lợi ích nhân loại* – lợi ích chung về sự tồn tại và phát triển của cộng đồng nhân loại. Sự thống nhất của lợi ích nhân loại chủ yếu ở bản chất xã hội của con người và loài người. Đó là những mối liên hệ khách quan, những nhân tố quy định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi người, của nhân loại.

## b. Quan hệ giai cấp – nhân loại

- Trong xã hội có giai cấp, nhân loại và giai cấp có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau...
- Lợi ích nhân loại bị chi phối bởi lợi ích giai cấp và được xem xét dưới góc độ lợi ích giai cấp, được giải quyết theo lập trường quan điểm của giai cấp. Giai cấp tiến bộ có lợi ích phù hợp với lợi ích nhân loại, giải quyết vấn đề nhân loại theo hướng tích cực tiến bộ, ngược lại, giai cấp phản động có lợi ích đối lập với lợi ích nhân loại và thường hành động kìm hãm sự phát triển tiến bộ của nhân loại.
- Trong xã hội có giai cấp, vấn đề giai cấp không chỉ là vấn đề riêng của một giai cấp mà còn là vấn đề toàn nhân loại. Vì vậy, đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc khởi áp bức, nô dịch là một nội dung cơ bản của quá trình giải phóng con người, của sự phát triển tiến bộ nhân loại. Bởi vậy không thể tách rời vấn đề giai cấp với vấn đề nhân loại.

## b. Quan hệ giai cấp – nhân loại

- Ngày nay trên thế giới đã xuất hiện những vấn đề toàn nhân loại cấp bách. Đó là những vấn đề liên quan đến sự tồn tại của cả loài người (chống chiến tranh hạt nhân, vấn đề môi sinh, dân số, nghèo đói, dịch bệnh hiểm nghèo...) và giải quyết chúng đòi hỏi phải có sự hợp tác của cả cộng đồng nhân loại
- Mâu thuẫn về lợi ích giữa các giai cấp, các dân tộc làm cho việc giải quyết những vấn đề nhân loại trở nên rất khó khăn.
- Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, với cuộc đấu tranh vì dân chủ, bình đẳng và tự do và là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tiến bộ nhân loại. Chỉ có cách mạng vô sản và CNXH và CNCS mới giải quyết triệt để mối quan hệ giữa giai cấp và nhân loại, mới giải phóng được nhân loại và phát triển con người một cách tự do, toàn diện.

### 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam

- HCM nhận thức sâu sắc nội dung tính chất và xu thế vận động của thời đại, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới...
- HCM đưa ra quan niệm thống nhất lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, thống nhất lợi ích GC với lợi ích dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn giai cấp với dân tộc, độc lập dân tộc với CNXH; kết hợp giải phóng GC với giải phóng dân tộc, giải phóng con người.
- CMVS và CMGPDT phải được coi trọng ngang nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản và có tính chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế...



## 4. Quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam hiện nay

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc theo quan điểm của CNM-LN và tư tưởng HCM, coi “động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân” trên cơ sở liên minh công, nông, trí thức do Đảng lãnh đạo.
- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với đoàn kết dân tộc, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội.
- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa giữ vững độc lập tự chủ với mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên cơ sở ra sức phát huy nội lực dân tộc, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ tối đa sức mạnh thời đại nhằm vượt qua thách thức, đẩy lùi nguy cơ, nắm bắt vận hội phát triển...

# CHƯƠNG X: LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUỲỀN XHCN VIỆT NAM

## I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC

### 1. Nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước

#### a. Nguồn gốc nhà nước

- + Nguyên nhân kinh tế : sự xuất hiện của chế độ tư hữu về TLSX.
- + Nguyên nhân xã hội: sự phân chia xã hội thành giai cấp.
- *Các nguyên nhân cụ thể:*
  - + Các thủ lĩnh thị tộc, bộ lạc sử dụng quyền lực chiếm đoạt của cải “dư thừa”...
  - + Chiến tranh giữa các thị tộc, bộ lạc làm tăng thêm quyền lực của các thủ lĩnh quân sự...
  - + Các tổ chức lãnh đạo thị tộc dần dần thoát khỏi gốc rễ nhân dân, chuyển hóa thành bộ máy bạo lực đối lập với nhân dân.

## **b. Bản chất của nhà nước**

- Nhà nước là công cụ chuyên chính của giai cấp thống trị trong kinh tế nhằm bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp đó.
- Nhà nước là một tổ chức chính trị XH có quyền lực mạnh mẽ nhất trong kiến trúc thượng tầng. Nhà nước là bộ máy cai trị thông qua đó GC thống trị thực hiện sự thống trị của mình...

## **c. Đặc trưng của nhà nước**

- Quản lý dân cư theo lãnh thổ quốc gia, quyền lực nhà nước tác động đến mọi dân cư trong lãnh thổ quốc gia...
- Có các tổ chức quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế để thực hiện sự cai trị và được đảm bảo quyền lực bằng các cơ quan bạo lực do nhà nước lập ra.
- Xác lập chế độ thuế khóa để duy trì và tăng cường bộ máy cai trị của NN.

## 2. Chức năng và vai trò kinh tế của nhà nước

### a. Chức năng cơ bản của nhà nước

- *Chức năng thống trị chính trị của giai cấp và chức năng xã hội:*
  - + Chức năng thống trị chính trị của giai cấp: nhà nước là bộ máy cai trị của một giai cấp
  - + Chức năng xã hội của nhà nước: đảm bảo điều kiện cho sự tồn tại và phát triển chung của xã hội.
- *Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại:*
  - + Chức năng đối nội: thực hiện những nhiệm vụ của nhà nước trong phạm vi lãnh thổ quốc gia nhằm bảo vệ sự thống trị của giai cấp thống trị và quản lý xã hội.
  - + Chức năng đối ngoại: thực hiện những nhiệm vụ của NN trong quan hệ với các NN khác hoặc các tổ chức khu vực và quốc tế


## **b. Vai trò kinh tế của nhà nước**

- Vai trò kinh tế của NN thuộc về chức năng XH của kiến trúc thượng tầng và sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng cũng như đối với toàn XH.
- Tác động của nhà nước đối với kinh tế có thể theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực và điều đó tùy thuộc vào pháp luật và chính sách của nhà nước có phù hợp với yêu cầu khách quan của nền kinh tế hay không.
- Khi nền kinh tế thị trường được xác lập thì vai trò kinh tế của nhà nước tăng lên mạnh mẽ nhằm điều tiết kinh tế, ngăn chặn khủng hoảng kinh tế, đảm bảo sự phát triển của lĩnh vực kinh tế công cộng và duy trì môi trường chính trị xã hội ổn định.



### 3. Các kiểu và hình thức NN trong lịch sử

#### a. Các kiểu và hình thức NN dựa trên đối kháng giai cấp

- NN chủ nô: do GC chủ nô xác lập thực hiện chuyên chính với GC nô lệ và tầng lớp dân tự do, được tổ chức theo hai hình thức cơ bản là quân chủ và cộng hòa.
  - Nhà nước phong kiến: do giai cấp địa chủ phong kiến lập ra, thực hiện chuyên chính đối với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, được tổ chức theo hai hình thức cơ bản là quân chủ phân quyền và quân chủ tập quyền.
  - Nhà nước tư sản: do giai cấp tư sản xác lập, chuyên chính với giai cấp vô sản và nhân dân lao động, được tổ chức phổ biến dưới hai hình thức cơ bản là quân chủ lập hiến và cộng hòa (cộng hòa đại nghị và cộng hòa tổng thống).
- 

## **b. Kiểu nhà nước chuyên chính vô sản (nhà nước XHCN) trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản**

- + Là nhà nước thích ứng với thời kỳ quá độ lên CNXH và CNCS, là nhà nước duy nhất tự tiêu vong khi xây dựng thành công CNCS.
- + Là nhà nước kiểu mới, nhà nước mang bản chất của giai cấp vô sản, là tổ chức chính trị qua đó nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ XH.
- + Là nhà nước đặc biệt với hai chức năng bạo lực trấn áp và tổ chức xây dựng xã hội mới
- + Nhà nước vô sản thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc, xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các dân tộc khác trên thế giới.



## II. NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### 1. Khái niệm nhà nước pháp quyền và lịch sử tư tưởng triết học về nhà nước pháp quyền

#### a. Khái niệm nhà nước pháp quyền

- *Nhà nước pháp quyền* là một hình thức tổ chức nhà nước đặc biệt mà ở đó có sự ngự trị cao nhất của pháp luật, với nội dung thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó là nhà nước hình thành và vận hành trên cơ sở pháp luật (thừa nhận và bảo vệ quyền con người), đảm bảo nguyên tắc tối thượng của pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật và pháp luật được thi hành nghiêm minh trong hoạt động của nhà nước và xã hội.

# - Đặc điểm chủ yếu của nhà nước pháp quyền:

- + Nhà nước pháp quyền là hình thức tổ chức NN mà ở đó có sự ngự trị cao nhất, tuyệt đối của pháp luật. Pháp luật trở thành tiêu chuẩn và căn cứ căn bản nhất, cao nhất trong mọi hoạt động của bản thân NN, các tổ chức XH và mỗi công dân.
- + Nhà nước pháp quyền là hình thức tổ chức nhà nước mà ở đó quyền lực nhà nước thể hiện được lợi ích và ý chí của đại đa số nhân dân. Công dân được quyền làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm.
- + Nhà nước pháp quyền là hình thức tổ chức nhà nước mà ở đó có sự đảm bảo thực tế mối quan hệ hữu cơ về quyền và trách nhiệm giữa nhà nước và công dân.



## b. Tư tưởng triết học về nhà nước pháp quyền trong lịch sử

- Tư tưởng trọng pháp, chủ trương cai trị quản lý XH bằng pháp luật đã xuất hiện từ thời cổ đại như Tuân tử, Hàn Phi tử (Trung Hoa cổ đại), Hêraclit, Platon, Aristot...
- Lý thuyết về nhà nước pháp quyền chỉ thật sự xuất hiện vào thời kỳ cận đại ở Tây Âu như Xpinôda với lý thuyết *Pháp quyền tự nhiên*; J. Lốc cơ với lý thuyết *phân quyền nhà nước*; Môngtexkiơ với *thuyết tam quyền phân lập*; J. Rút xô với thuyết *chủ quyền tối thượng của nhân dân*; triết học pháp quyền của Cantơ và G. Hêghen...

# *Thuyết tam quyền phân lập của Môngtxơ:*

- + Tự do chính trị của công dân là quyền có thể làm mọi cái mà luật pháp cho phép. PL là thước đo của tự do.
- + PL sẽ bị phá bỏ nếu xảy ra tình trạng lạm dụng quyền lực. Trong XH, những người nắm quyền đều có thiên hướng lạm quyền
- + Để chống lạm quyền, độc quyền thì quyền lực phải được phân chia sao cho “quyền lực kiểm chế quyền lực”.
- + Thể chế chính trị tự do là thể chế mà trong đó quyền lực tối cao được phân chia thành ba quyền: quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp theo nguyên tắc ba quyền lực cân bằng và kiểm chế lẫn nhau.

# 2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

## a. Bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân (đặc điểm bản chất nhất).
- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất và tuyệt đối của Đảng cộng sản Việt Nam.
- NN pháp quyền XHCN VN là NN dựa trên nền tảng của liên minh công, nông, trí thức và là công cụ quyền lực chủ yếu để ND xây dựng quốc gia dân tộc độc lập và XHCN
- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất quyền lực, nhưng có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp

## **b. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN**

- Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.
- Mở rộng dân chủ XHCN, ra sức phát huy quyền làm chủ của nhân dân
- Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước theo hướng xây dựng các thiết chế dân chủ hiện đại, đổi mới và nâng cao hoạt động của các cơ quan NN
- Tiếp tục phát huy dân chủ đi đôi với việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương và tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ đức tài đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.
- Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quan liêu trong bộ máy nhà nước theo tinh thần kiên quyết như “đánh giặc trên mặt trận”.

# CHƯƠNG XI: QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

## I. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC PHI MÁC XÍT VỀ CON NGƯỜI

### 1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông

- *Quan điểm về con người Phật giáo:*

+ Con người là sự kết hợp của ngũ uẩn gồm Sắc (địa, thủy, hỏa, phong), Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

+ Con người có hai phần: trần tục tính và phật tính.

- *Quan điểm về con người Nho giáo:*

+ Con người là kết tinh của trời đất, chịu sự chi phối của mệnh trời, bản tính thiện. Con người cần phải tồn tâm dưỡng tính, hiểu và theo mệnh trời, tu thân theo đạo làm người.



## 2. Quan điểm về con người trong triết học Phương Tây

- *Quan điểm tôn giáo:*
- *Quan điểm một số trào lưu triết học duy tâm khách quan:*
- *Các quan điểm duy tâm chủ quan*
- *Quan điểm duy vật trước Mác: thấy rõ sự thống nhất giữa cơ thể và ý thức, bác bỏ quan niệm DT, tôn giáo về nguồn gốc siêu tự nhiên của con người, về linh hồn bất tử và cuộc sống ở kiếp sau của con người.*
- *Các trào lưu của triết học phương Tây hiện đại hoặc coi bản năng tính dục là cơ sở hành động của con người, hoặc coi “nhân vị”, hiện sinh là bản thể chân thực của con người. Con người thường được tuyệt đối hóa về mặt cá nhân còn mối quan hệ giữa người với người, cá nhân với xã hội thường được nhìn nhận ở góc độ hoài nghi, bi quan, bế tắc...*

# II. QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LENIN VỀ CON NGƯỜI

## 1. Quan điểm về bản chất con người

- *Con người là thực thể sinh vật – xã hội:*

- + Con người là một bộ phận của tự nhiên, là thực thể sinh vật, có nguồn gốc động vật và là một động vật XH, chịu sự chi phối bởi các quy luật sinh học tự nhiên.
- + Con người là thực thể XH vì nhờ hoạt động XH con người mới vượt lên thế giới loài vật, mới xuất hiện bản chất người. XH là phương thức sinh tồn và phát triển của con người
- + Con người là một thực thể thống nhất không thể tách rời giữa mặt sinh vật và mặt xã hội; trong đó mặt sinh vật là nền tảng vật chất tự nhiên của con người còn mặt xã hội là bao trùm, chi phối, mặt bản chất nhất, mặt sinh vật phải được xã hội hóa.

# Kết luận:

- Đời sống con người chịu sự chi phối bởi các quy luật khách quan...
- Bản tính con người mang tính hiện thực và bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội.
- Con người vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của LS.
- Tất cả các quan hệ XH đều góp phần hình thành nên bản chất con người, nhưng chúng không kết hợp với nhau theo cấp số cộng mà là sự tổng hòa nhau, không tách rời nhau, tác động qua lại và thâm nhập lẫn nhau
- Khi các quan hệ XH thay đổi thì bản chất con người sẽ thay đổi.

## 2. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về giải phóng con người


- Con người là điểm xuất phát và giải phóng con người là mục đích cao nhất của triết học Mác.
- + Triết học Mác xuất phát từ con người, nhưng xuất phát từ điều kiện sinh hoạt vật chất của con người' từ PTSX – phương thức sống của con người.
- + Mác phát hiện nền sản xuất vật chất của CNTB làm tha hóa con người và là nguyên nhân của tình trạng áp bức, bóc lột con người, phát hiện được con đường khắc phục sự tha hóa con người
- + Mục đích cao nhất của CNXH và CNCS là sự giải phóng con người, tạo điều kiện cho con người được phát triển tự do, toàn diện và trở thành chủ thể có ý thức đối với tất cả những gì trước đây vẫn thống trị họ một cách mù quáng.
- + Như vậy đấu tranh giai cấp và cách mạng bạo lực không phải là vô nhân đạo như những nhà tư tưởng tư sản khẳng định, mà trái lại là phương tiện tất yếu để giải phóng con người trong điều kiện xã hội có đối kháng giai cấp.

### III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG DO ĐCSVN LÃNH ĐẠO

#### 1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

- Nhu cầu KQ của lịch sử XH (bối cảnh lịch sử XH trong nước và quốc tế).
- Văn hóa và truyền thống của con người Việt Nam (yêu nước, đoàn kết cộng đồng, khoan dung, nhân ái, sống tình nghĩa...).
- Tinh hoa văn hóa nhân loại: Nhân nghĩa của Nho giáo, từ bi, cứu khổ, cứu nạn của Phật giáo, tư tưởng nhân văn phương Tây về tự do, bình đẳng, bác ái...
- Tư tưởng về con người của chủ nghĩa Mác – Lênin.

## 2. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

- Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân LĐ.
  - Tư tưởng cảm nhận, cảm thông sâu sắc đối với mọi nỗi niềm đau khổ của con người và quyết tâm hy sinh chiến đấu giải phóng con người, tin tưởng tuyệt đối vào khả năng tự giải phóng của con người.
  - Tư tưởng về con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng.
  - Tư tưởng “trồng người” và phát triển con người toàn diện, có đủ đức tài trong đó đức là gốc.
  - Tư tưởng khoan dung rộng lớn trước tính đa dạng của con người.
- 

# IV. VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

## 1. Con người Việt Nam trong lịch sử

- *Điều kiện lịch sử hình thành con người Việt Nam:*

- + Sự tác động của môi trường địa lý: nông nghiệp lúa nước, sản xuất tiểu nông, thiên tai thường xuyên, giao thoa văn hóa...
- + Đời sống KT: KT tiểu nông gắn với gia đình dòng họ, cơ cấu XH làng xã...
- + Lịch sử giữ nước và môi trường văn hóa.
- + *Mặt tích cực:* yêu nước, tự cường, đoàn kết, cộng đồng, nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống (NQ TU V-khóa VIII).
- + *Mặt hạn chế:* truyền thống dân chủ làng xã; Tập quán sản xuất tiểu nông; Đề cao thái quá kinh nghiệm; Tính hai mặt của một số truyền thống (giản dị ghét cầu kỳ, xa hoa, giỏi chịu đựng gian khổ có thể dẫn đến hạ thấp nhu cầu, không tạo nên động lực mạnh phát triển xã hội, tính cam chịu, bằng lòng...



## 2. Con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

### a. CMVN giai đoạn hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với con người Việt Nam

- Tình hình thế giới:

- + Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đã có bước phát triển nhảy vọt chưa từng thấy, đưa nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ mà hai đặc trưng cơ bản là xã hội thông tin và kinh tế tri thức.
- + Cách mạng khoa học và công nghệ là một động lực xuyên quốc gia, tạo cơ sở vật chất cho quá trình toàn cầu hoá, thúc đẩy sự chuyển dịch kinh tế, cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế.
- + Trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển, xu hướng liên kết, hợp tác đang diễn ra mạnh mẽ với nhiều cấp độ, cả về kinh tế, chính trị, an ninh giữa những nước có chế độ chính trị khác nhau.

## 2. Con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

- Cục diện chính trị thế giới có sự thay đổi căn bản:
  - + Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội mô hình Xôviết dẫn đến sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Liên xô và Đông Âu, làm thay đổi căn bản cục diện thế giới.
  - + Các quốc gia độc lập cũng đang bị phân hoá mạnh mẽ về kinh tế, chính trị, tư tưởng và lợi ích quốc gia, dt
  - + CNTB hiện đại đang tiếp tục tự điều chỉnh, còn có khả năng phát triển nhất định, song vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có.
  - + Chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dt, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế vẫn đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, tính chất phức tạp ngày càng tăng.
  - + Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động, nhưng vẫn đang tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, có thể tác động đến các mặt đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của nước ta.

## 2. Con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

- Tình hình nước ta sau hơn 15 năm đổi mới
- + Bốn nguy cơ tiếp tục tồn tại: Tụt hậu xa hơn về kinh tế ; chênh lệch XHCN; tham nhũng và quan liêu; diễn biến hòa bình.
- + Nước ta đứng trước cả vận hội và thách thức, đòi hỏi con người Việt Nam phải tranh thủ tốt vận hội, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN.
- Những vấn đề đặt ra hiện nay:
  - + Xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của ND nhất là vùng cao, vùng sâu.
  - + Phát triển thể chất và sức khỏe của con người Việt Nam
  - + Nâng cao trình độ văn hóa khoa học, công nghệ, năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, “biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ”.
  - + Xây dựng văn hóa, đạo đức mới, chống những hiện tượng phát sinh trong đời sống XH.

## **b. Xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của giai đoạn CM hiện nay**

- Những phẩm chất cơ bản:

+ Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì nước Việt Nam độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân chủ, giàu mạnh.

+ Có ý thức tập thể đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung, có lối sống lành mạnh văn minh, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường.

+ Lao động sáng tạo tự giác, có hiệu quả và năng suất cao, thường xuyên học tập nâng cao trình độ về mọi mặt...

## **b. Xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của giai đoạn CM hiện nay**

- Phương hướng cơ bản:
- + Phấn đấu cho hạnh phúc của con người trong một XH dân chủ, công bằng, văn minh. Vấn đề cấp bách hiện nay cần phải giải phóng con người khỏi sự thao túng của các quan hệ XH cũ lỗi thời, các quan hệ XH tiêu cực phát sinh trong cơ chế kinh tế thị trường hiện nay.
- + Đào tạo những con người của xã hội văn minh. Đó là những con người có đủ trình độ và năng lực làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân
- + Phát triển con người một cách toàn diện cả về thể lực, trí lực, cả về năng lực chuyên môn và phẩm chất chính trị, đạo đức, cả về phẩm chất cá nhân và xã hội.



